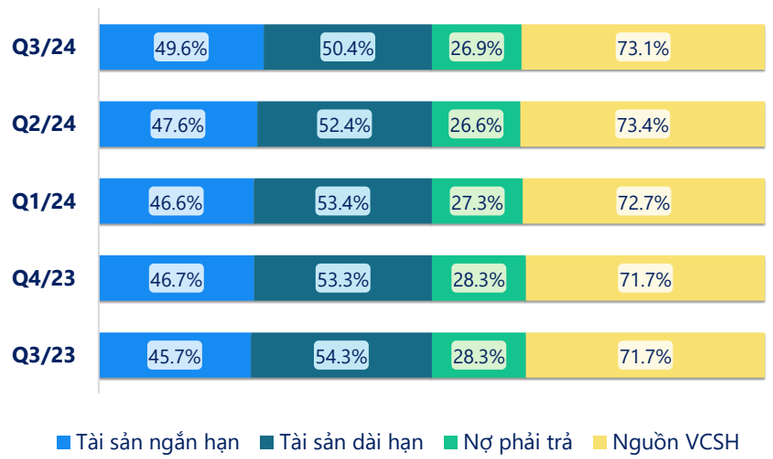
FireAnt

CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	43,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,419
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,069
SL cổ phiếu LH	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	426,800
% sở hữu nước ngoài	5.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,762
P/E	14.8
EPS	2,931

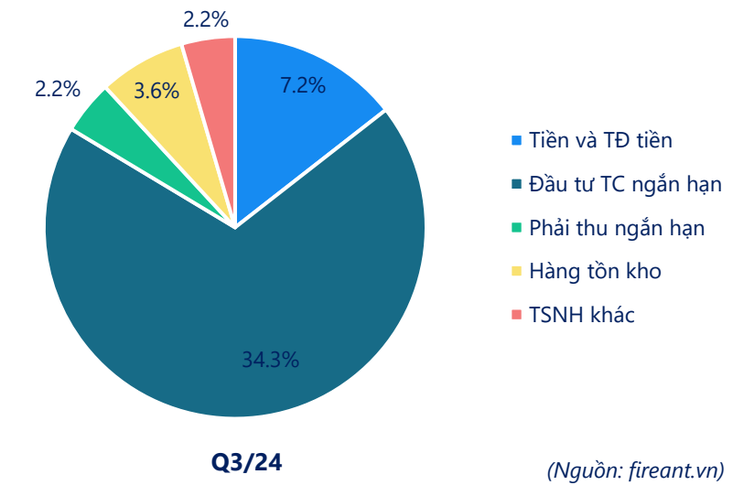
	YTD	1T	3T	6T
DPR	41.6%	6.4%	4.8%	2.1%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



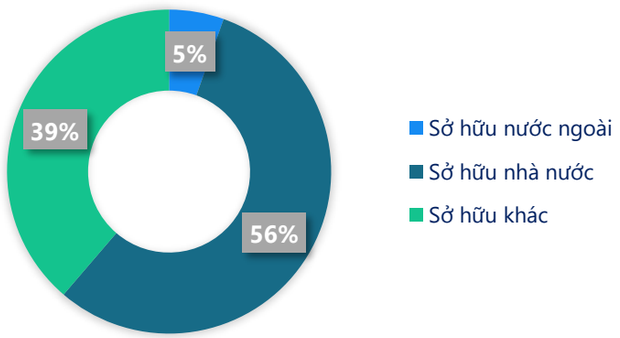
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



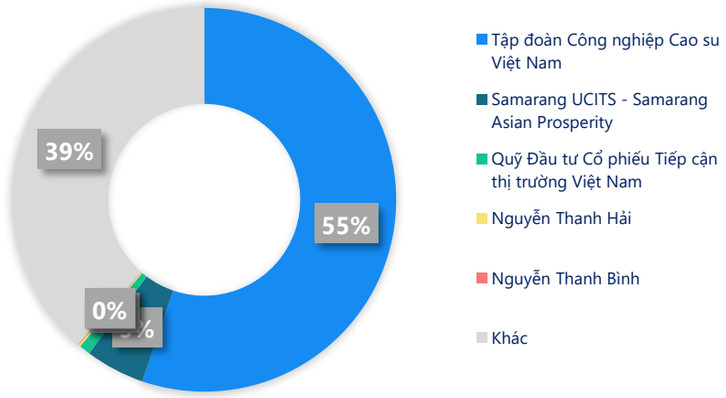
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



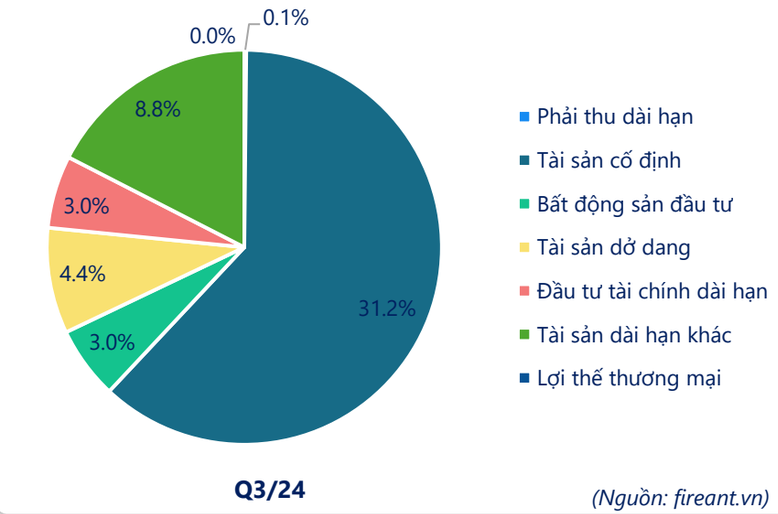
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

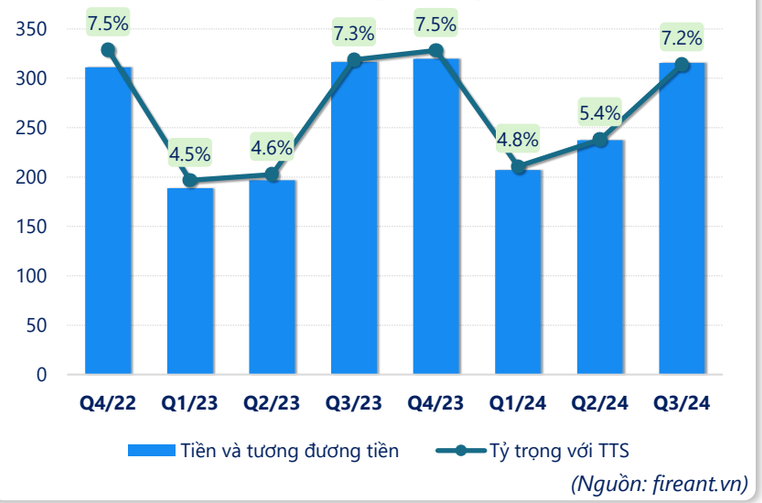


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

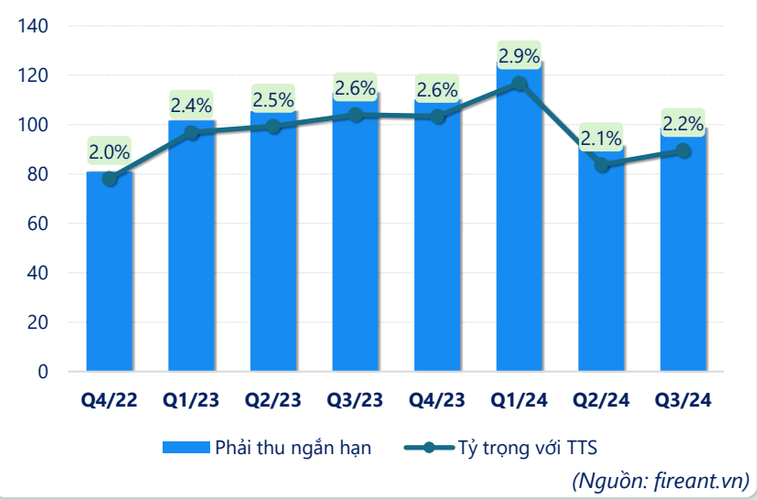
CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)

Tiền và tương đương tiền



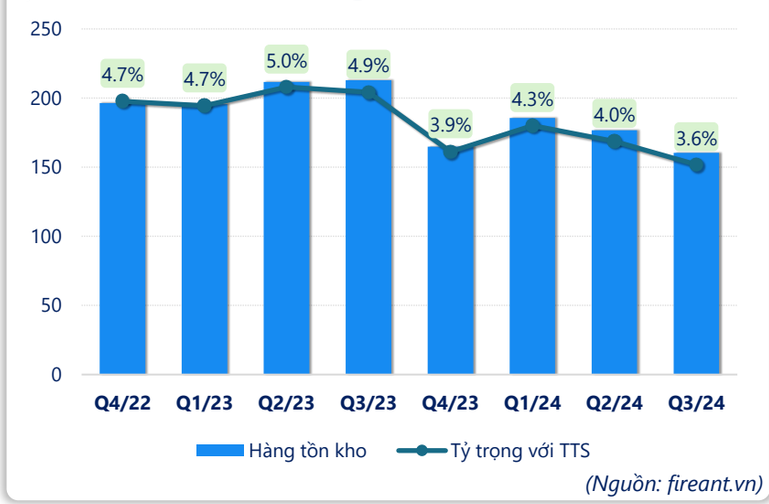
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



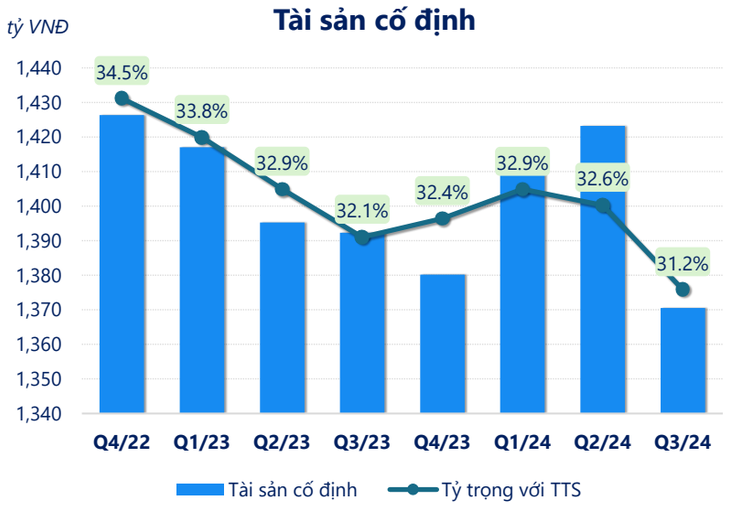
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



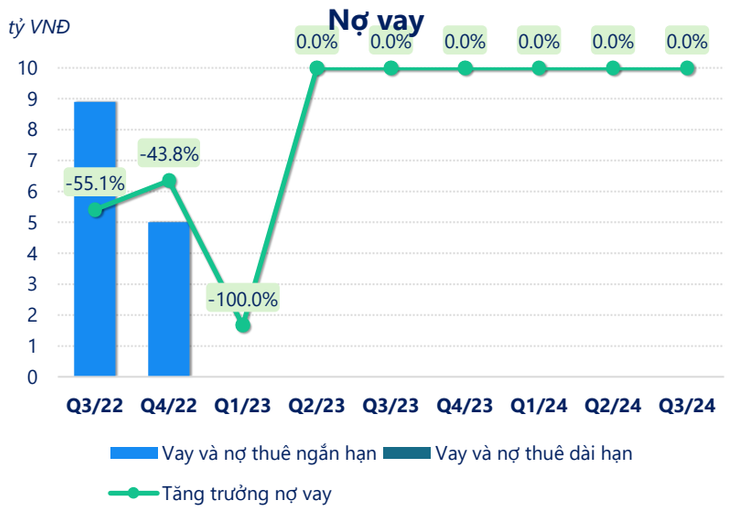
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



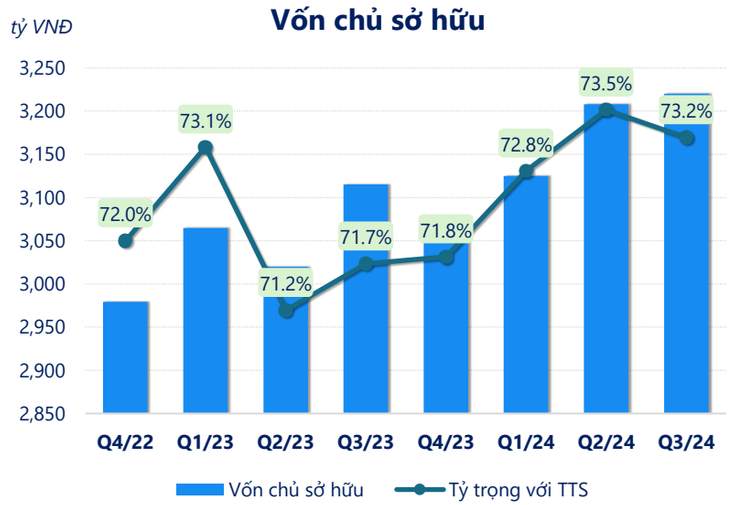
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

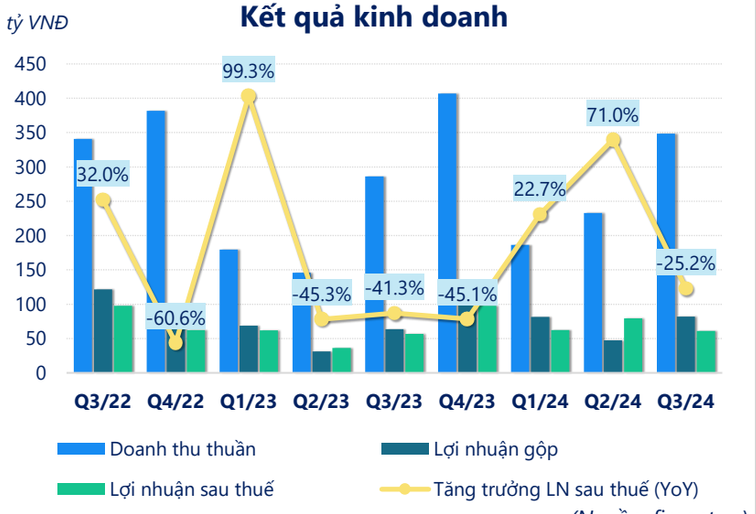


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

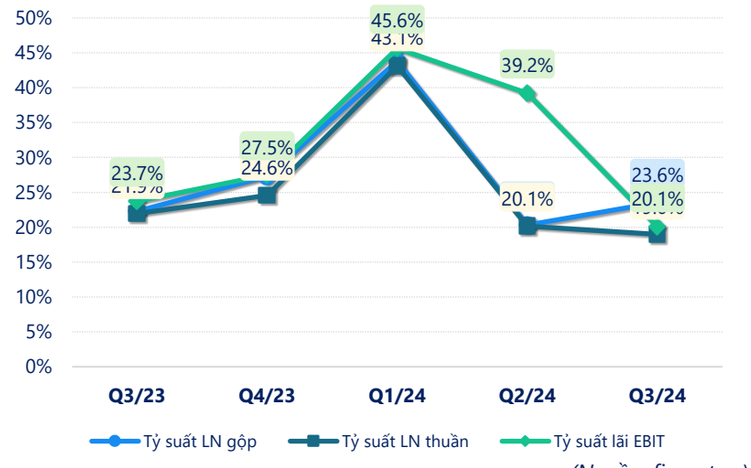
CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)

Kết quả kinh doanh



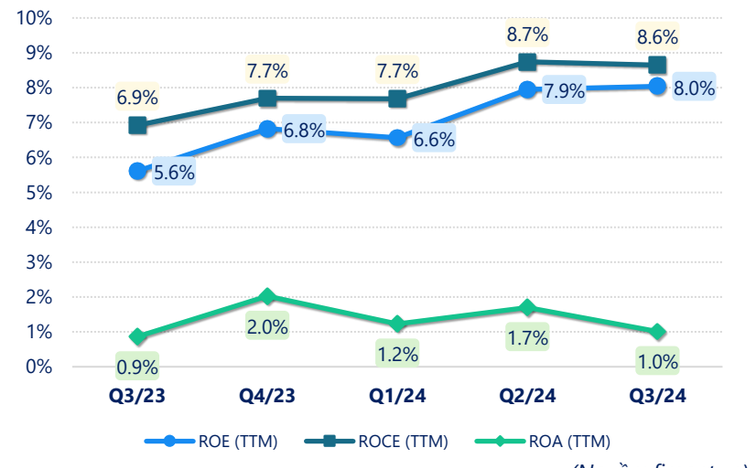
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



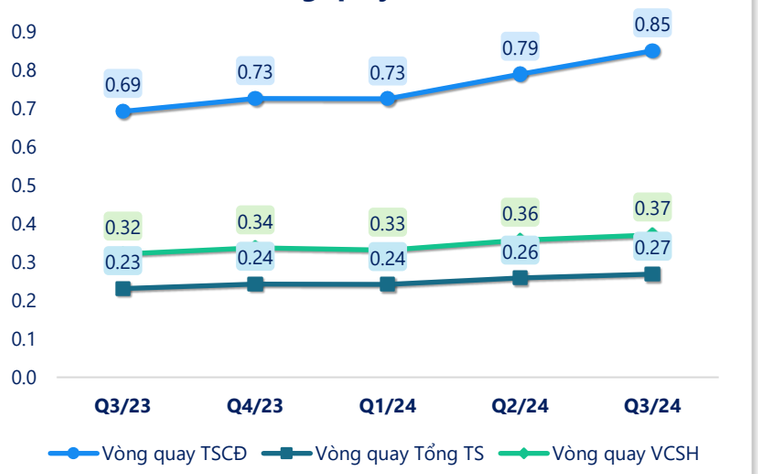
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



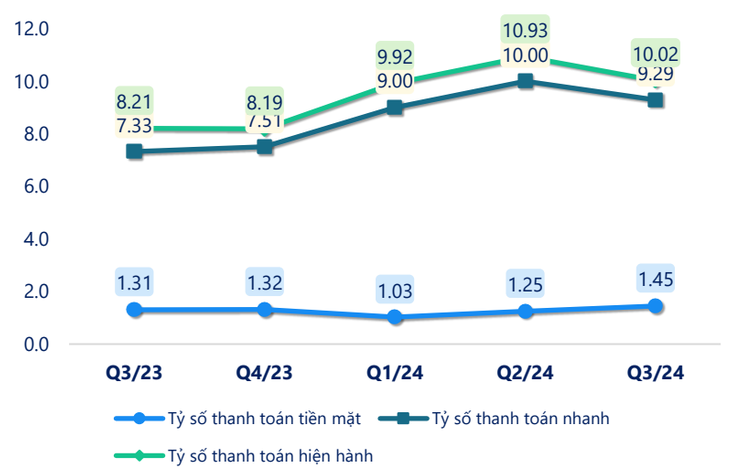
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



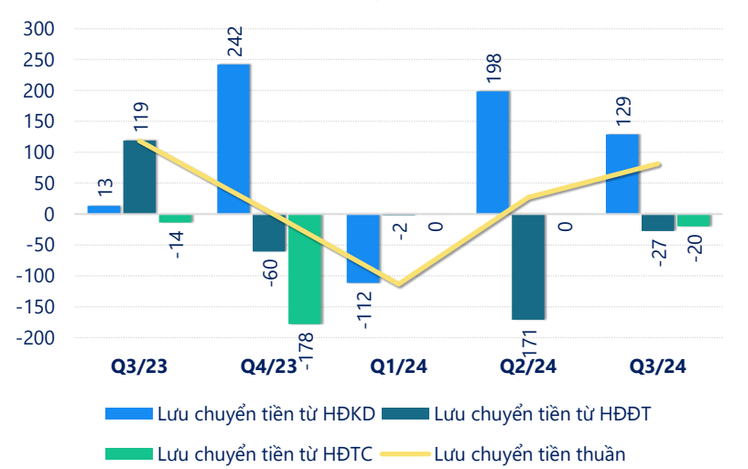
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,400**	**4,258**	**3.3%**
Tài sản ngắn hạn	2,183	2,006	8.8%
Tiền và tương đương tiền	316	320	-1.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,510	1,303	15.9%
Phải thu ngắn hạn	98.5	108	-9.0%
Hàng tồn kho	160	164	-2.2%
Tài sản ngắn hạn khác	99.0	111	-10.9%
Tài sản dài hạn	**2,217**	**2,252**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	3.54	3.53	0.3%
Tài sản cố định	1,370	1,380	-0.7%
Bất động sản đầu tư	131	140	-5.9%
Tài sản dở dang	192	218	-11.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	132	119	10.5%
Tài sản dài hạn khác	**387**	**392**	**-1.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,184	1,204	-1.6%
Nợ ngắn hạn	**218**	**239**	**-9.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.28	5.34	73.7%
Nợ dài hạn	967	965	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,215**	**3,054**	**5.3%**
Vốn chủ sở hữu	**3,220**	**3,059**	**5.3%**
Vốn điều lệ	869	869	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**-4.87**	**-4.88**	**0.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	286	407	187	233	348
Giá vốn hàng bán	222	296	105	186	266
Lợi nhuận gộp	63.8	111	81.7	47.3	82.1
Doanh thu HĐTC	26.3	32.5	21.6	24.4	21.4
Chi phí TC	0.83	2.73	2.19	0.25	3.37
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.44	7.78	3.91	4.76	4.92
Chi phí QLDN	20.0	33.0	16.7	19.8	29.0
LN thuần từ HĐKD	62.8	100	80.4	46.9	66.1
Lợi nhuận khác	5.07	11.9	4.70	44.4	3.74
LN trước thuế	67.8	112	85.1	91.3	69.9
Lợi nhuận sau thuế	56.7	97.6	62.2	79.5	61.2
LNST của CĐ cty mẹ	37.1	85.1	52.2	73.1	44.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.4	242	-112	198	129
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	119	-60.5	-1.80	-171	-27.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.8	-178	-0.11	-0.05	-19.7
Tiền đầu kỳ	197	316	320	207	237
Lưu chuyển tiền thuần	**118**	**3.72**	**-113**	**27.2**	**81.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.40	-0.38	0.60	3.11	-3.32
Tiền cuối kỳ	316	320	207	237	316

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic